

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn
Dự án: Xây dựng CSHT Khu dân cư Khuông Bình
(vị trí 1 và vị trí 2), xã Phước Thắng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/06/2023;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định phân cấp và phân công trách nhiệm thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Nghị Quyết số 38/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của HĐND huyện Tuy Phước về chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng CSHT Khu dân cư Khuông Bình (vị trí 1 và vị trí 2), xã Phước Thắng;

Căn cứ Quyết định số 12202/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt danh mục, kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2024 thuộc các nguồn vốn được phân cấp cho huyện và nguồn vốn huyện quản lý;

Căn cứ Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500: Các điểm dân cư xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500: Các điểm dân cư xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng CSHT Khu dân cư Khuông Bình (vị trí 1 và vị trí 2), xã Phước Thắng do Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và Môi trường Nam Phương lập, đã được Sở Xây dựng Bình Định thẩm định tại Văn bản số 58/SXD-HTKTTĐ ngày 22/04/2024 và Công ty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng Anh Kiệt thẩm tra tại Văn bản số 07/BCTT-CT ngày 02/05/2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện tại Tờ trình số 153/TTr-BQL ngày 03/05/2024 và của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Báo cáo số 152/BC-TCKH ngày 16/05/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn Dự án: Xây dựng CSHT Khu dân cư Khuông Bình (vị trí 1 và vị trí 2), xã Phước Thắng, với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng CSHT Khu dân cư Khuông Bình (vị trí 1 và vị trí 2), xã Phước Thắng.

2. Cấp quyết định đầu tư: HĐND huyện Tuy Phước.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Tuy Phước.

4. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng Khu dân cư Khuông Bình (vị trí 1 và vị trí 2), xã Phước Thắng nhằm cụ thể hóa Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500: Các điểm dân cư xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, thúc đẩy phát triển an sinh xã hội; đồng thời góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng của địa phương và tăng cường quỹ đất phục vụ nhu cầu về đất ở trong khu vực.

5. Quy mô đầu tư xây dựng: Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu dân cư trên diện tích khoảng 4,703ha bao gồm các hạng mục sau: San nền mặt bằng; hệ thống đường giao thông; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thu gom nước thải; hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước + PCCC, hệ thống cây xanh cụ thể như sau:

5.1. San lấp mặt bằng:

- Diện tích san nền khoảng 2,79ha, cao độ san nền theo cao độ không chế tại các vị trí nút giao thông theo quy hoạch chi tiết được duyệt; Cao độ thiết kế san nền cao nhất +3,50m, cao độ thiết kế san nền thấp nhất + 3,28m.

- Chiều cao đắp nền trung bình: +1,75m.

- Vật liệu san nền cho dự án bằng đất cấp phối đòi đầm chặt K90.

- Nguồn vật liệu: Khai thác tại mỏ đất Thanh Tâm thuộc xã Tây An, huyện Tây Sơn, cự ly vận chuyển đến chân công trình L=26,5km.

5.2. Đường giao thông:

Đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông đối ngoại và đường giao thông nội bộ có bề rộng nền mặt đường theo quy hoạch được duyệt, kết nối với giao thông hiện trạng như sau:

- Tổng chiều dài 1.387,2m; vận tốc thiết kế: 30 Km/h; độ dốc ngang mặt đường $i_m=2\%$; độ dốc ngang vỉa hè $i_{vh}=1\%$; tải trọng trục thiết kế $P=100KN$.

TT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LỘ GIỚI (m)		
			LỀ TRÁI	LÒNG ĐƯỜNG	LỀ PHẢI
1	ĐƯỜNG ĐN01 (12,5M)	146,46	0,5	7,0	5,0
2	ĐƯỜNG ĐN02 (14,0M)	125,03	3,5	7,0	3,5
3	ĐƯỜNG ĐN03 (14,0M)	155,96	3,5	7,0	3,5
4	ĐƯỜNG ĐN04 (14,0M)	140,00	3,5	7,0	3,5
5	ĐƯỜNG ĐD01 (12,5M)	311,26	2,0	7,0	3,5
6	ĐƯỜNG ĐD02 (14,0M)	246,21	3,5	7,0	3,5
7	ĐƯỜNG ĐD03 (14,0M)	68,00	3,5	7,0	3,5
8	ĐƯỜNG ĐD04 (14,0M)	127,00	3,5	7,0	3,5
9	ĐƯỜNG 7M	67,28	1,0	5,0	1,0
	TỔNG CỘNG	1.387,2			

* Kết cấu nền mặt đường:

- Nền đường:

+ Bóc hữu cơ dày 30cm.

+ Đắp nền đường bằng đất đồi chọn lọc, đầm chặt K95.

- Mặt đường (kết cấu áo đường):

+ Bê tông xi măng M300 đá 2x4 dày 22cm.

+ Lót bạt nhựa.

+ Lót đất đồi chọn lọc dày 30cm đầm chặt K98.

* Vỉa hè, bó vỉa:

- Bó vỉa hè bằng BTXM B20 (M250) đá 1x2, lót đáy bằng bạt nhựa.

- Kết cấu vỉa hè: Lát gạch Terrazzo (30x30x5)cm trên lớp cát đệm dày 5cm. Chấn vỉa hè bằng gạch xây VXM M75, kích thước (10x28)cm.

- Hồ trồng cây: Bố trí dọc theo vỉa hè trên các trục đường bằng gạch xây trát vữa ngoài B5 (M75), kích thước (100x100)cm. Kết cấu hồ trồng cây bằng ống buy bê tông D100cm dài 0,6m bê tông B15, đá 1x2. Cây xanh sử dụng cây bàng Đài Loan, khoảng cách trung bình 8÷10m/cây, số lượng: 132 cây. Trồng thảm cỏ bằng cỏ lá gừng tại các khu cây xanh, khu hành lang an toàn đường ĐT.631 và khu xử lý nước thải. Diện tích trồng cỏ: 5.808,45m²

- An toàn giao thông: Lắp đặt hệ thống biển báo và vạch sơn kẻ đường theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41- 2019/BGTVT.

- Xây dựng gia cố mái taluy ranh phía Tây, phía Bắc và phía Đông khu dự án

với tổng chiều dài L=758,16m bằng BTXM B15 (M250) đá 1x2, dày 12cm.

5.3. Hệ thống thoát nước mưa:

- Xây dựng khoảng 1.250,0m công tròn BTLT (gồm công D600 L=1141,0m; D800 L=109,0m) đặt ngâm dọc theo các tuyến đường giao thông của dự án, thu gom theo các tuyến ống chính dẫn xả ra mương đất hiện trạng phía Bắc khu dự án.

- Hồ ga công dọc và công ngang bằng bê tông cốt thép đá 1x2 B20 (M250), nắp đậy bằng Gang. Hồ thu nước mặt đường bằng bê tông cốt thép đá 1x2 B20(M250), song chắn rác bằng Gang.

- Xây dựng rãnh thoát nước giáp ranh các khu dân cư hiện trạng, B=0.5m, L=162,55m bằng BTCT M250 đá 1x2, thu nước khu dân cư hiện trạng xả ra mương đất hiện trạng phía Bắc khu dự án.

5.4. Hệ thống thoát nước thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải với tổng chiều dài tuyến ống khoảng 1.592,8m, thiết kế đi riêng với nước mưa bằng ống HDPE-DN200/DN300. Đường ống đầu nối từ hộ dân vào Giếng thu bằng ống PVC-DN100.

- Kết cấu giếng thu bằng BTXM B20 (M250), đá 1x2, dày 20cm. Nắp giếng thu bằng tấm đan BTCT B20 (M250), đá 1x2.

- Phương án xử lý nước thải:

+ Giai đoạn đầu của dự án khi hệ thống xử lý nước thải chung của khu vực chưa được đầu tư xây dựng: Nước thải sinh hoạt của dự án sẽ được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn tại mỗi hộ dân, sau được thu gom dẫn về bể tự hoại 5 ngăn tập trung ở phía Đông dự án (có bố trí hạng mục xử lý mùi) để xử lý. Nước thải sinh hoạt của 20 hộ dân hiện trạng được thu gom xử lý bằng bể tự hoại hộ gia đình và tự thấm như hiện trạng; bố trí các hồ ga chờ phục vụ đầu nối (sau khi những hộ dân này nâng nền sẽ thực hiện đầu nối nước thải). Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Trường mầm non: được thu gom, xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về bể tự hoại 5 ngăn tập trung của dự án.

+ Về lâu dài: khi hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của khu vực được xây dựng theo quy hoạch, bể tự hoại 5 ngăn sẽ được chuyển đổi công năng thành trạm bơm để bơm nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu vực (*Theo Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng CSHT Khu dân cư Khuông Bình (vị trí 1 và vị trí 2), xã Phước Thắng*).

5.5. Hệ thống cấp nước và PCCC:

- Nguồn nước: đầu nối vào đường ống D168 PVC hiện trạng theo Văn bản số 758/NSNT-KT ngày 08/11/2023 của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Tuyến ống cấp nước có chiều dài tuyến ống khoảng 2.938,8m, trong đó:

870m ống STK DN100; 606,8m ống HDPE DN100; 1.362m HDPE DN50. Xây dựng bể cấp nước PCCC bằng BTCT tại khu cây xanh CX2 của dự án, kích thước (AxBxH)=(6,6x6,4x3,65m).

- Lắp đặt 02 trụ chữa cháy, đảm bảo khoảng cách tối đa giữa hai trụ không quá 150m và các phụ kiện khác trên đường ống.

5.6. Hệ thống cấp điện:

- Xây dựng mới 01 TBA 3 pha có công suất 250kVA - 22/0,4kV.
- Xây dựng mới đường dây 22kV đi nổi cấp điện cho TBA có tổng chiều dài tuyến Lt=508m.
- Xây dựng mới tuyến 0,4kV đi nổi có tổng chiều dài tuyến Lt=1.093m.
- Xây dựng mới tuyến chiếu sáng đi nổi có tổng chiều dài tuyến Lt=1.209m.

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, khảo sát xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Môi trường Nam Phương.

7. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm xây dựng: xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước.
- Diện tích đất sử dụng: $F = 47.073,31 \text{ m}^2$ (4,703ha)

8. Loại, nhóm dự án:

- Công trình hạ tầng kỹ thuật, nhóm C.
- Cấp công trình chính: cấp III.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước.
- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng do Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Môi trường Nam Phương lập, đã được Sở Xây dựng Bình Định thẩm định tại Văn bản số 58/SXD-HTKTTĐ ngày 22/04/2024 và Công ty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng Anh Kiệt thẩm tra tại Văn bản số 07/BCTT-CT ngày 02/05/2024.

10. Tổng mức đầu tư: 58.531.768.000 đồng.

(Bằng chữ: Năm mươi tám tỷ, năm trăm ba mươi một triệu, bảy trăm sáu mươi tám ngàn đồng)

Trong đó:

- Chi phí GPMB: 15.400.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng: 33.470.746.000 đồng;
- Chi phí thiết bị: 337.110.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 727.484.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 1.993.009.000 đồng;
- Chi phí khác: 2.335.658.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 4.267.761.000 đồng.

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2023 - 2026.

12. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách huyện Tuy Phước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

14. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: do Ban Quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện phối hợp với UBND xã Phước Thắng và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

15. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Theo Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành.

16. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn:

T T	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 VNĐ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Tư vấn lập TKBVTC-DT	418.018	NS NN	Chỉ định thầu	Thương thảo HĐ	Quý II/ 2024	Trọn gói	30 ngày
2	Tư vấn thẩm tra TKBVTC	42.696	NS NN	Chỉ định thầu	Thương thảo HĐ	Quý II/ 2024	Trọn gói	10 ngày
3	Tư vấn thẩm tra dự toán	41.034	NS NN	Chỉ định thầu	Thương thảo HĐ	Quý II/ 2024	Trọn gói	10 ngày
Tổng cộng: 501.748.000 đồng								

Điều 2. Quyết định này làm cơ sở để thực hiện dự án và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Giao Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn tất các thủ tục còn lại theo quy định để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng phòng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch UBND xã Phước Thắng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu HS (10);
- Lưu VT.K₃. T15.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Nam